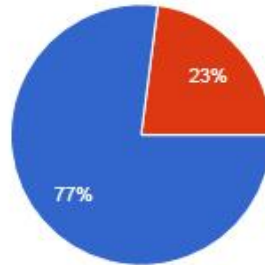


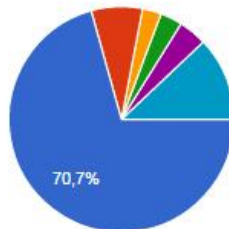
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI  
PHÒNG CT CHÍNH TRỊ & CT SINH VIÊN  
THỐNG KÊ KHẢO SÁT SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2016  
VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM

GIỚI TÍNH



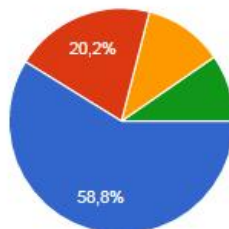
NAM	1195	77%
NỮ	356	23%

1. Tình trạng tìm việc hiện nay



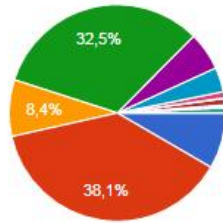
Đã có nơi nhận	1096	70.7%
Có triển vọng được nhận	114	7.4%
Chưa có triển vọng	42	2.7%
Đã có nơi tiếp nhận học tiếp	49	3.2%
Có triển vọng đi học tiếp	63	4.1%
Chưa đi tìm việc làm	187	12.1%

2. Nếu đã đi làm...



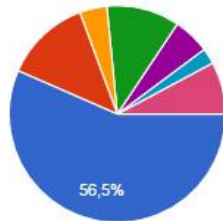
Làm đúng chuyên ngành	655	58.8%
Làm đúng ngành rộng	225	20.2%
Làm gần ngành rộng	127	11.4%
Làm trái ngành	107	9.6%

### 3. Nơi làm việc



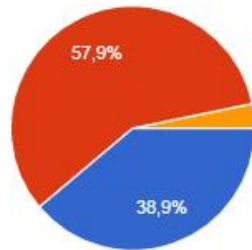
Công ty tự lập/ tự làm	98	8.4%
Công ty tư nhân trong nước	447	38.1%
Công ty nhà nước	99	8.4%
Công ty nước ngoài tại VN	381	32.5%
Công ty ở nước ngoài	67	5.7%
Công ty liên doanh	43	3.7%
Trường đại học, cao đẳng	11	0.9%
Trường trung học, dạy nghề	1	0.1%
Viện nghiên cứu	11	0.9%
Hành chính nhà nước	3	0.3%
Tổ chức phi chính phủ	2	0.2%
Khác	9	0.8%

### 4. Vị trí công việc chính



Kỹ sư thiết kế, phát triển	622	56.5%
Kỹ sư lắp đặt, vận hành, bảo trì	141	12.8%
Tư vấn, quản lý dự án	45	4.1%
Quản lý sản xuất/ sản phẩm	120	10.9%
Kinh doanh, bán hàng	60	5.5%
Giảng dạy, nghiên cứu	26	2.4%
Khác	86	7.8%

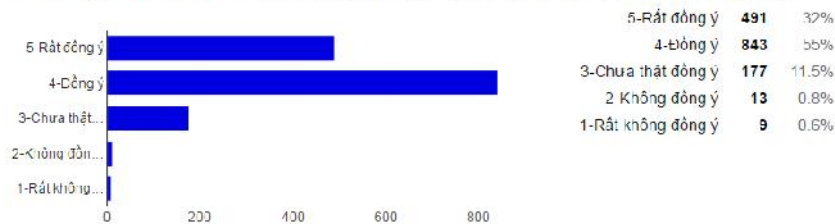
### 5. Thu nhập



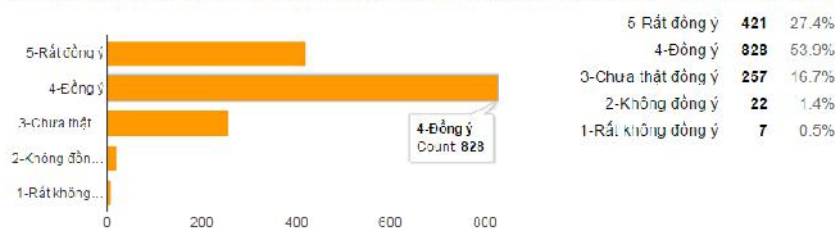
Hài lòng	373	38.9%
Chưa thật hài lòng	556	57.9%
Thất vọng	31	3.2%

## C. NHẬN XÉT CHUNG VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO CỦA ĐHBK HÀ NỘI

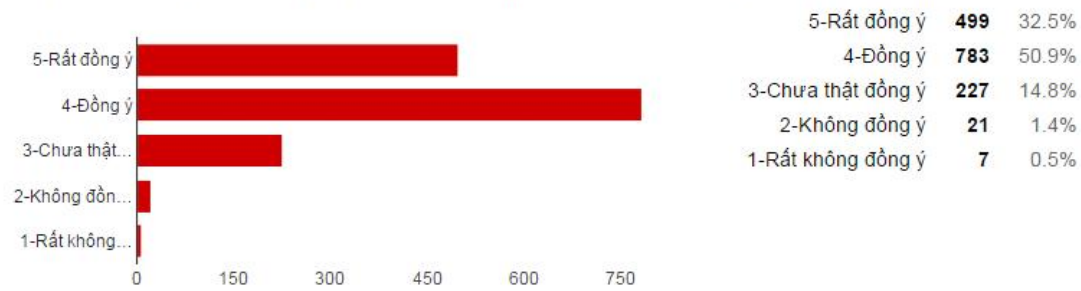
#### 1. Chương trình đào tạo có chất lượng tốt, đáp ứng tốt sự mong đợi của bản thân [null]



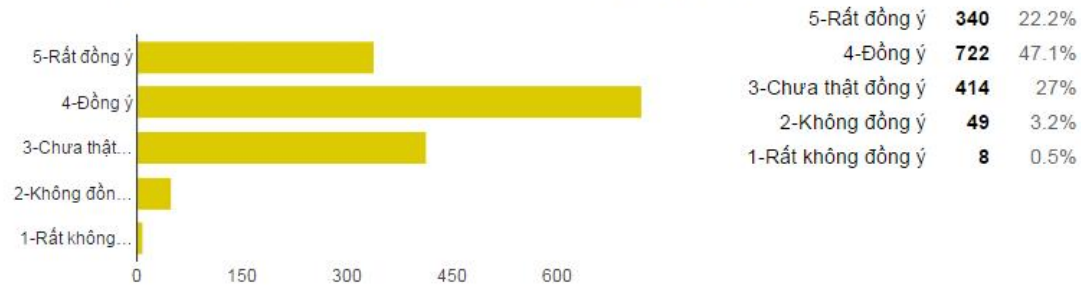
#### 2. Chương trình đào tạo của Nhà trường có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu nhân lực nơi Anh/Chị công tác [null]



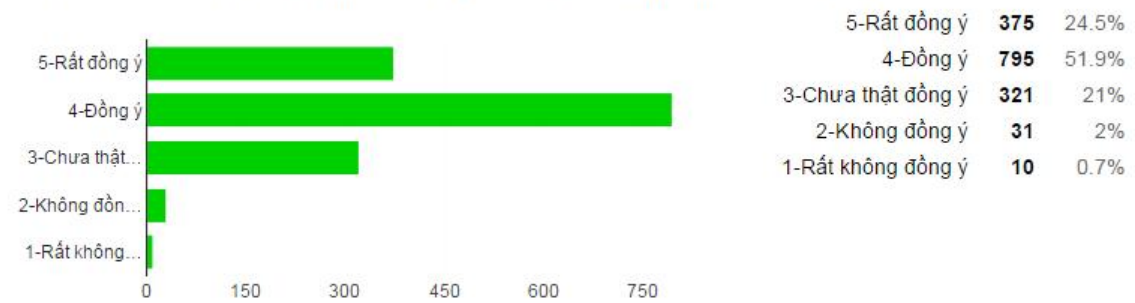
### 3. Sinh viên được các thầy cô tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực học tập và phát triển tư duy [null]



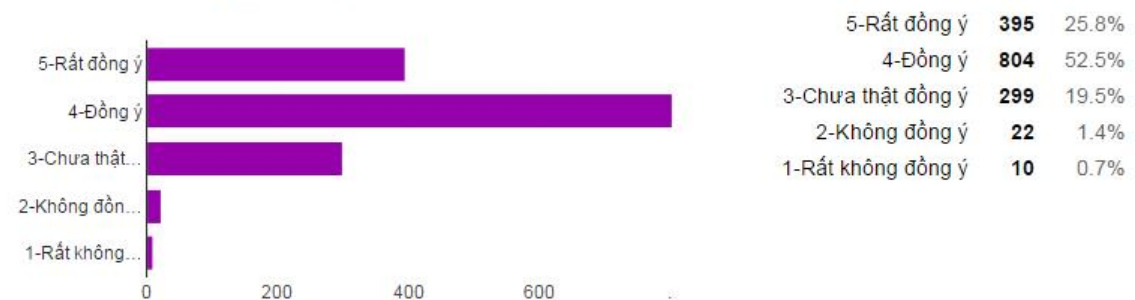
### 4. Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tế và ứng dụng [null]

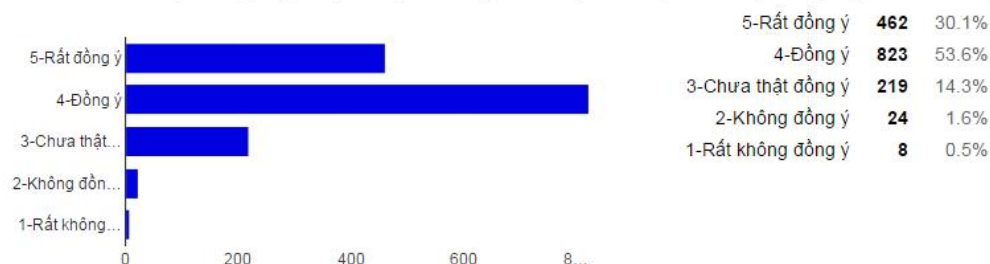
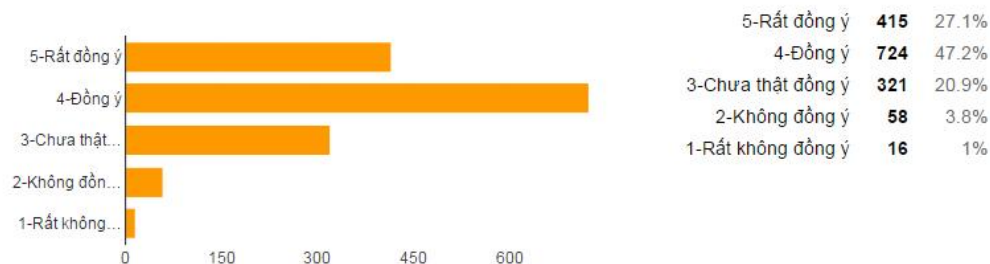
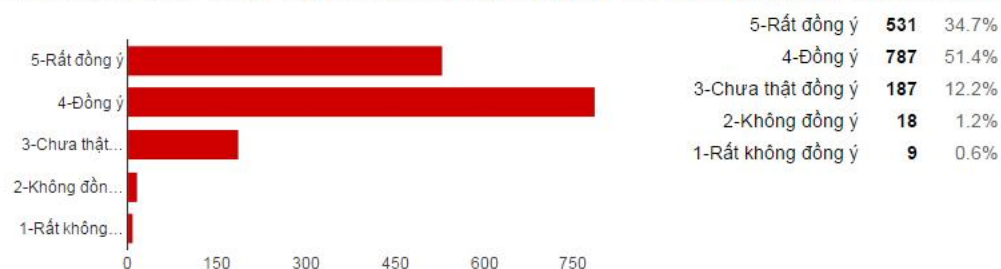
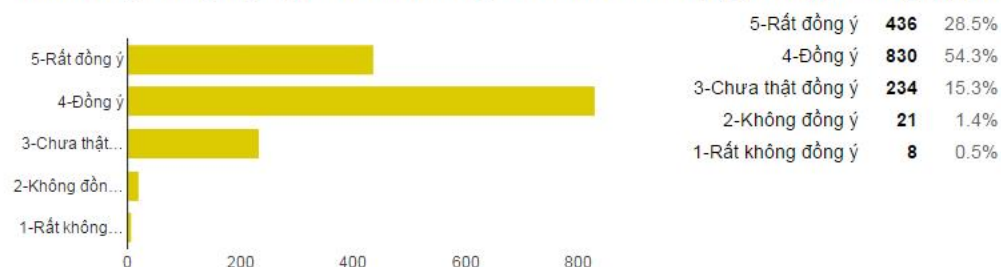


### 5. Khối kiến thức là phù hợp với thời gian và phương pháp đào tạo [null]

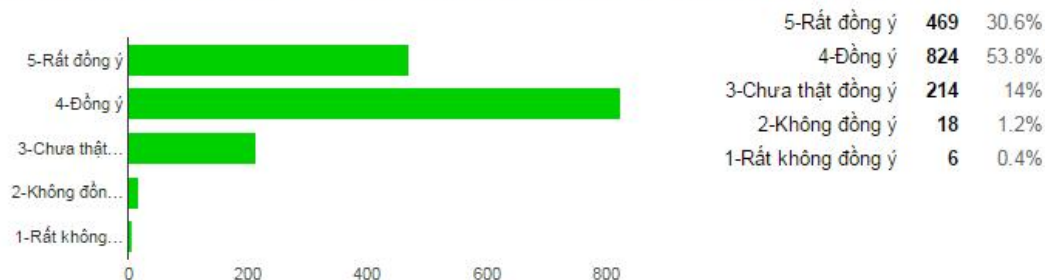


### 6. Cấu trúc chương trình hợp lý, các môn học có liên kết tốt và ít trùng lặp nội dung [null]

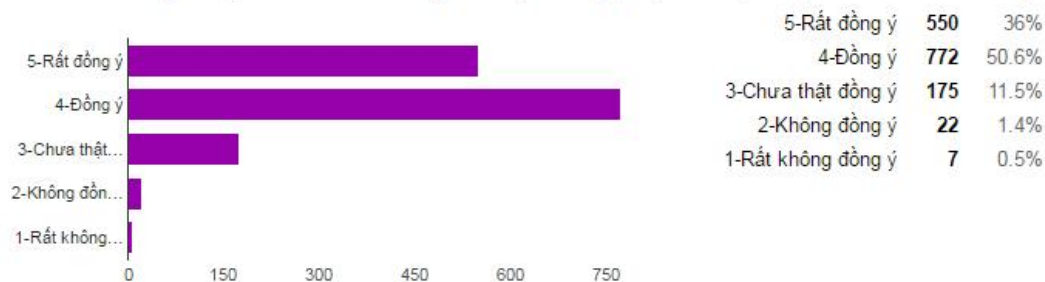


**7. Sinh viên được cung cấp hoặc được hướng dẫn đầy đủ về giáo trình, bài giảng và các tài liệu học tập khác [null]****8. Trang bị các giảng đường, lớp học và phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu [null]****9. Sinh viên được đối xử công bằng, đúng mực trong giờ học và trong đánh giá kết quả học tập [null]****10. Chương trình giảng dạy các môn khoa học cơ bản có khối lượng phù hợp và ứng dụng được [null]**

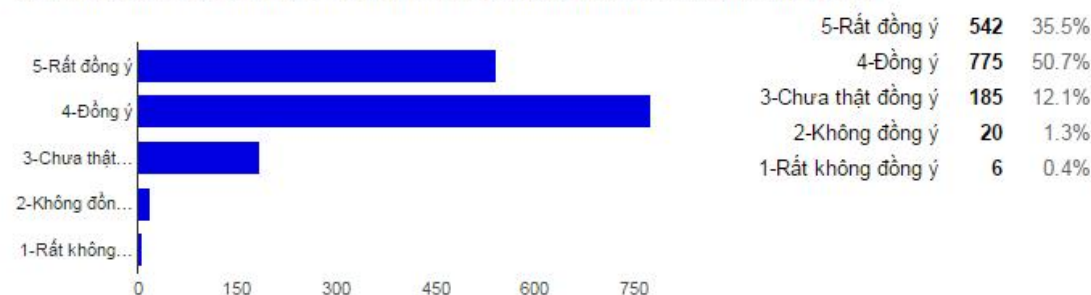
### 11. Chương trình giảng dạy các môn chuyên ngành có khối lượng phù hợp [null]



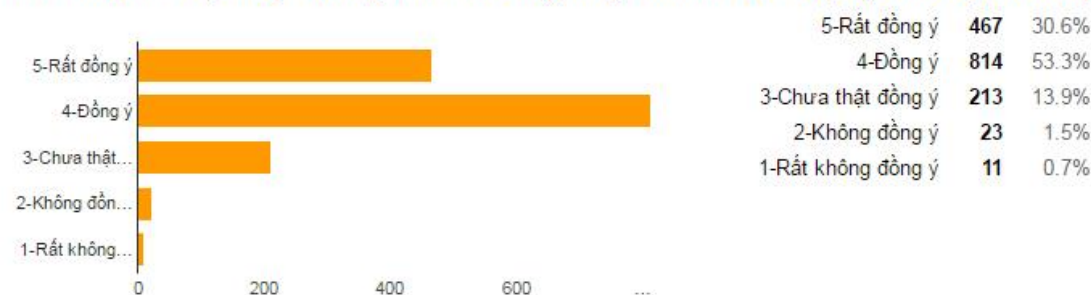
### 12. Sinh viên học được nhiều từ các thầy cô về phương pháp làm việc và phát triển nhân cách [null]



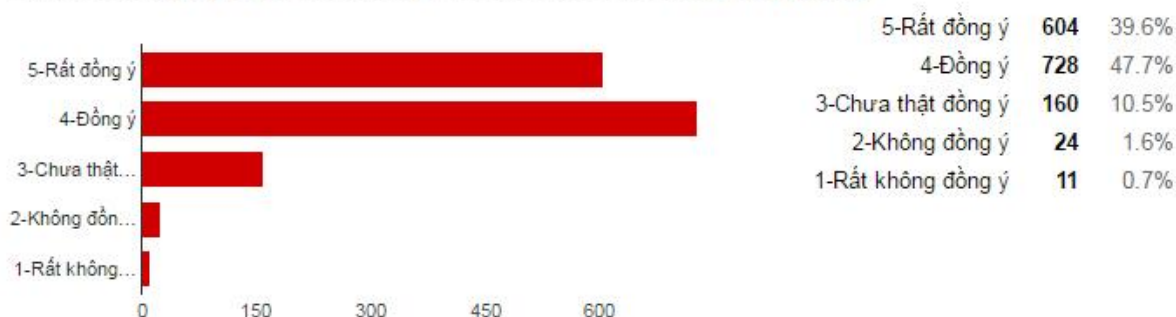
### 13. Sinh viên được hỗ trợ tốt trong các hoạt động nghiên cứu khoa học [null]



### 14. Sinh viên đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp [null]

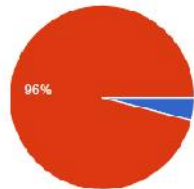


### 15. Môi trường học tập của trường ĐHBKHN là tốt và năng động [null]



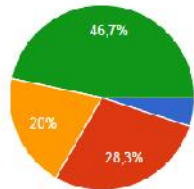
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**  
**PHÒNG CT CHÍNH TRỊ & CT SINH VIÊN**  
**THỐNG KÊ KHẢO SÁT**  
**CỰU SINH VIÊN VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM**

**1. Tính đến thời điểm 1 tháng kể từ thời điểm trả lời phiếu này về trước, tình hình việc làm của anh/chị như thế nào?**



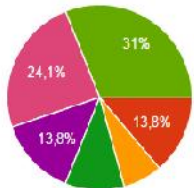
Chưa có việc làm	<b>32</b>	3.9%
Đang có việc làm (vui lòng chuyển tới câu hỏi số 4)	<b>770</b>	92.7%

**2. Lý do anh/chị chưa đi làm?**



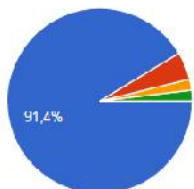
Chưa có nhu cầu	<b>3</b>	4.5%
Đang học tiếp	<b>17</b>	25.4%
Có nhu cầu, đã đi xin việc nhưng chưa được	<b>12</b>	17.9%
Khác	<b>28</b>	41.8%

**3. Những lý do anh/chị chưa xin được việc làm?**



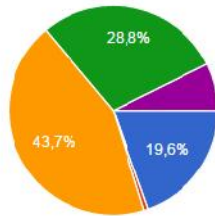
Thiếu kiến thức chuyên môn	<b>0</b>	0%
Thiếu kỹ năng nghề nghiệp	<b>4</b>	13.8%
Thiếu kinh nghiệm làm việc	<b>2</b>	6.9%
Thiếu thông tin về nhà tuyển dụng	<b>3</b>	10.3%
Thiếu thông tin về vị trí tuyển dụng, ngành nghề và thị trường	<b>4</b>	13.8%
Trình độ Tin học chưa đáp ứng nhu cầu	<b>0</b>	0%
Trình độ Ngoại ngữ chưa đáp ứng nhu cầu	<b>7</b>	24.1%
Khác	<b>9</b>	31%

**4. Bao lâu sau khi tốt nghiệp anh/chị tìm được việc làm?**



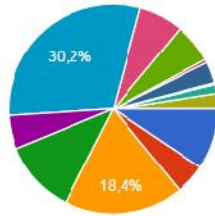
Dưới 6 tháng	<b>720</b>	91.4%
Từ 6 tháng - 1 năm	<b>38</b>	4.8%
Từ 1 năm - 2 năm	<b>15</b>	1.9%
Sau 2 năm	<b>15</b>	1.9%

### 5. Anh chị tìm được việc làm thông qua kênh thông tin nào?



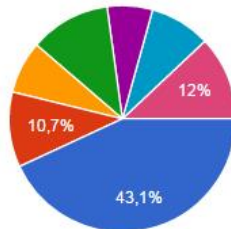
Qua các hội thảo tuyển dụng của Trường	<b>150</b>	19.0%
Qua các trung tâm giới thiệu việc làm	<b>5</b>	0.7%
Qua internet, báo đài,...	<b>335</b>	43.7%
Qua bạn bè, người thân giới thiệu	<b>221</b>	28.8%
Khác	<b>56</b>	7.3%

### 6. Cơ quan anh/chị đang làm việc thuộc loại hình tổ chức nào?



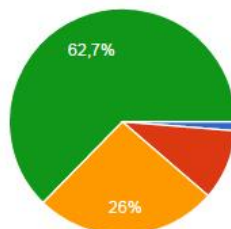
Tập đoàn kinh tế	<b>74</b>	9.4%
Công ty Cổ phần 1 thành viên Nhà nước	<b>37</b>	4.7%
Công ty Cổ phần	<b>145</b>	18.4%
Công ty Trách nhiệm hữu hạn	<b>89</b>	11.3%
Doanh nghiệp Tư nhân	<b>41</b>	5.2%
100% vốn nước ngoài	<b>238</b>	30.2%
Viện nghiên cứu	<b>54</b>	6.9%
Trường Đại học, Các đẳng	<b>48</b>	6.1%
Trường Trung học, Dạy nghề	<b>4</b>	0.5%
Hành chính Nhà nước	<b>26</b>	3.3%
Tổ chức Phi chính phủ	<b>2</b>	0.3%
Danh nghiệp tự thành lập	<b>11</b>	1.4%
Khác	<b>19</b>	2.4%

### 7. Vị trí công việc chính



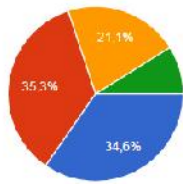
Kỹ sư thiết kế, phát triển	<b>333</b>	43.1%
Kỹ sư lắp đặt, vận hành, bảo trì	<b>83</b>	10.7%
Tư vấn, quản lý dự án	<b>58</b>	7.5%
Quản lý sản xuất/ sản phẩm	<b>89</b>	11.5%
Kinh doanh, bán hàng kỹ thuật	<b>50</b>	6.5%
Giảng dạy, nghiên cứu	<b>67</b>	8.7%
Khác	<b>93</b>	12%

### 8. Mức thu nhập bình quân/tháng tính theo VNĐ của anh/chị là bao nhiêu?



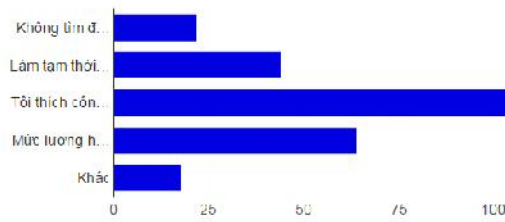
Dưới 3 triệu	<b>10</b>	1.3%
Từ 3 - 6 triệu	<b>79</b>	10.1%
Từ 6 - 10 triệu	<b>204</b>	26%
Trên 10 triệu	<b>492</b>	62.7%

### 9. Công việc hiện tại của anh/chị là



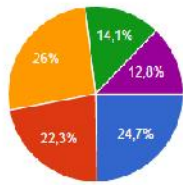
Đúng chuyên ngành đào tạo	272	34.6%
Đúng ngành rộng	277	35.3%
Gần ngành rộng	166	21.1%
Hoàn toàn trái ngành	70	8.9%

### 10. Nếu công việc là hoàn toàn trái ngành thì tại sao anh/chị lại chọn công việc này?



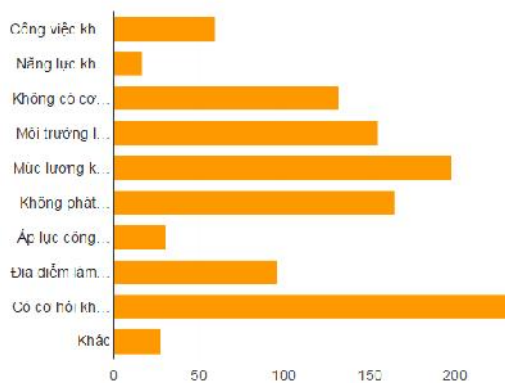
Không tìm được công việc đúng chuyên môn	22	10.6%
Làm tạm thời trong thời gian tìm được việc khác phù hợp hơn	44	21.2%
Tôi thích công việc này	110	52.8%
Mức lương hấp dẫn	64	30.1%
Khác	18	8.7%

### 11. Từ khi tốt nghiệp, anh/chị đã chuyển đổi công việc bao giờ chưa?



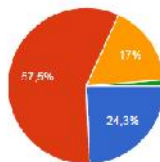
Không có ý định chuyển đổi	191	24.7%
Có ý định nhưng chưa chuyển đổi	172	22.3%
Đã chuyển đổi 1 lần	201	26%
Đã chuyển đổi 2 lần	109	14.1%
Đã chuyển đổi trên 3 lần	99	12.8%

### 12. Lý do khiến anh/chị chuyển đổi công việc là gì?



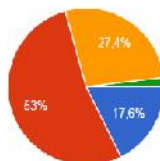
Công việc không phù hợp với ngành học được đào tạo	60	10.6%
Năng lực không đáp ứng được nhu cầu	17	3%
Không có cơ hội thăng tiến	132	23.4%
Môi trường làm việc (cơ sở vật chất và văn hóa) không phù hợp	166	27.4%
Mức lương không thỏa đáng	198	35%
Không phát huy được năng lực	166	29.2%
Áp lực công việc quá lớn	31	5.5%
Địa điểm làm việc không phù hợp	96	17%
Có cơ hội khác tốt hơn	245	43.4%
Khác	28	5%

### 13. Kiến thức được Trường đào tạo có giúp ích cho công việc hiện tại của anh/chị không?



Rất có ích	195	24.3%
Có ích	461	57.5%
Ít có ích	136	17%
Hoàn toàn không có ích	10	1.2%

### 14. Kỹ năng được Trường đào tạo có giúp ích cho công việc hiện tại của anh/chị không?



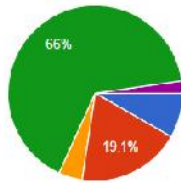
Rất có ích	139	17.6%
Có ích	418	53%
Ít có ích	216	27.4%
Hoàn toàn không có ích	15	1.9%



**15. Anh/chị đã tham gia thêm các khóa đào tạo nào dưới đây kể từ khi tốt nghiệp?**

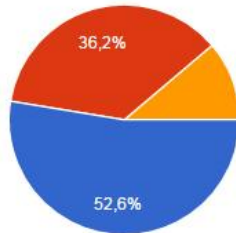


**16. Anh/chị có đã hoặc đang tham gia các khóa đào tạo nào dưới đây?**



Loại khóa đào tạo	Số người	Tỷ lệ (%)
Văn bằng 2	66	8.3%
Thạc sỹ	153	19.1%
Tiến sỹ	35	4.4%
Chưa tham gia khóa đào tạo nào	527	66%
Khác	18	2.3%

**17. Nếu có tham gia thì hình thức đào tạo như thế nào?**

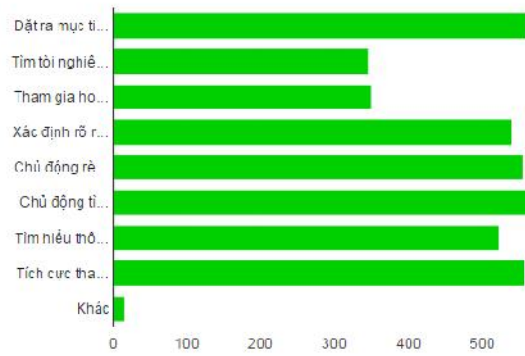


Hình thức đào tạo	Số người	Tỷ lệ (%)
Trong nước	244	52.6%
Ngoài nước	168	36.2%
Liên kết đào tạo với nước ngoài	52	11.2%

**18. Theo anh/chị, những giải pháp nào dưới đây từ phía nhà trường và Doanh nghiệp giúp sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng?**



**19. Theo anh/chị, những giải pháp nào dưới đây từ phía sinh viên giúp sinh viên tốt nghiệp dễ dàng tìm được việc làm?**



Đặt ra mục tiêu về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cụ thể cho quá trình học tập chuyên môn tại trường	<b>564</b>	70.3%
Tìm tòi nghiên cứu các vấn đề nảy sinh trong quá trình học tập	<b>347</b>	43.3%
Tham gia hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học	<b>351</b>	43.8%
Xác định rõ ràng điểm mạnh điểm yếu, tính cách và mong muốn của bản thân	<b>539</b>	67.2%
Chủ động rèn luyện kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức phù hợp với ngành nghề	<b>556</b>	69.3%
Chủ động tìm kiếm thông tin và tìm hiểu nhu cầu lao động của xã hội	<b>574</b>	71.6%
Tìm hiểu thông tin nhà tuyển dụng, vị trí công việc dự định ứng tuyển	<b>524</b>	65.3%
Tích cực tham gia thực tập/Thực hành khi có điều kiện	<b>557</b>	69.5%
Khác	<b>16</b>	2%